TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN KIẾN AN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2022/HNGĐ-ST
Ngày 26-9-2022
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN KIẾN AN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lan Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Văn Lẫy

Bà Hoàng Thị Chính

- ***Thư ký phiên toà:*** Ông Trịnh Việt Anh - Thư ký Toà án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Đình Đô – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng, xét xử sơ thẩm, công khai vụ án dân sự thụ lý số 54/2022/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2022, về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 403/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 488/2022/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Vũ Thị T, địa chỉ: Tổ Đ 1, phường P, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng; (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Anh Phạm Văn Đ; địa chỉ: Tổ Đ 1, phường P, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng; (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 7 năm 2022, các bản tự khai nguyên đơn là chị Vũ Thị T trình bày:

Chị Vũ Thị T và anh Phạm Văn Đ có đăng ký kết hôn năm 1990 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai. Trước khi kết hôn chị T và anh Đ được tự do tìm hiểu, tự nguyện đi đến hôn nhân. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do

tính cách không hợp, luôn bất đồng quan điểm trong mọi mặt của cuộc sống, vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm đến nhau, hai bên cũng đã cố gắng thay đổi nhưng không có kết quả, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, đến nay tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Xét thấy vợ chồng chung sống không còn hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn anh Đ. Trong thời gian chung sống chị T và anh Đ có 02 con chung là Phạm Văn Đ, sinh ngày 18/02/1990 và Phạm Văn B, sinh ngày 23/3/1993. Hiện nay cả hai con chung đều đã trưởng thành nên chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nuôi dưỡng con chung khi ly hôn. Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết về chia tài sản chung, công nợ chung của vợ chồng khi ly hôn.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân quận Kiến An đã tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng anh Phạm Văn Đ đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành lấy được lời khai của anh Đ, không tiến hành hòa giải được và anh Đ cũng không có văn bản thể hiện quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh Đ vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Tại Biên bản xác minh tại địa phương nơi chị T và anh Đ sinh sống thể hiện: Anh Đ và chị T có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn anh Đ và chị T chung sống với nhau tại Tổ Đ 1, phường P, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng. Anh Đ và chị T có 02 con chung là Phạm Văn Đ, sinh năm 1990 và Phạm Văn B, sinh năm 1993. Cả hai con chung đã trưởng thành. Địa phương không nắm được mâu thuẫn giữa anh Đ và chị T, không nắm được anh Đ và chị T có tài sản chung, công nợ chung hay không.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Kiến An phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Về cơ bản đã thực hiện đúng trình tự tố tụng; nguyên đơn đã tuân theo đúng quy định của pháp luật, bị đơn không thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 203, khoản 1 và 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị T được ly hôn anh Đ. Về con chung, tài sản chung: Không giải quyết. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Ngày 20 tháng 7 năm 2022 chị Vũ Thị T nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân quận Kiến An, chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phạm Văn Đ; anh Phạm Văn Đ là bị đơn, trú tại phường

Phù Liễn, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Kiến An.

[2] Về tố tụng: Tòa án nhân dân quận Kiến An đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định tại Điều 220 Bộ luật Tố tụng dân sự cho nguyên đơn là chị Vũ Thị T và bị đơn là anh Phạm Văn Đ. Tại phiên tòa, chị Vũ Thị T vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Phạm Văn Đ đã được tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị Vũ Thị T và anh Phạm Văn Đ.

[3] Về quan hệ pháp luật: Chị Vũ Thị T và anh Phạm Văn Đ có đăng ký kết hôn năm 1990, tại Ủy ban nhân dân xã Xuân Quang, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ theo quy định tại khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về hôn nhân: Trong quá trình chung sống chị Vũ Thị T và anh Phạm Văn Đ đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân nhiều năm nay; trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh Đ để giải quyết việc chị T có đơn xin ly hôn và tiến hành hòa giải nhưng anh Đ đều vắng mặt không có lý do, chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn anh Đ. Chứng tỏ hai bên cùng không có ý thức hàn gắn đoàn tụ, tình cảm giữa chị T và anh Đ không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Kiến An đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị T được ly hôn anh Đ. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T và đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát là có căn cứ, phù hợp thực tế vụ kiện và phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần được chấp nhận.

[5] Về con chung: Chị Vũ Thị T và anh Phạm Văn Đ có 02 con chung là Phạm Văn Đ, sinh ngày 18/02/1990 và Phạm Văn B, sinh ngày 23/3/1993. Hiện nay cả hai con chung đều đã trưởng thành, chị T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết về việc nuôi dưỡng con chung.

[6] Về tài sản chung: Chị Vũ Thị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Căn cứ quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án thì chị Vũ Thị T phải nộp án phí dân sự ly hôn sơ thẩm.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị T:

Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Vũ Thị T và anh Phạm Văn Đ.

Về con chung: Chị Vũ Thị T và anh Phạm Văn Đ có 02 con chung là Phạm Văn Đ, sinh ngày 18/02/1990 và Phạm Văn B, sinh ngày 23/3/1993. Hiện nay cả hai con chung đều đã trên 18 tuổi nên Hội đồng xét xử không giải quyết việc nuôi dưỡng con chung khi vợ chồng ly hôn.

Về chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu sau khi ly hôn chị Vũ Thị T, anh Phạm Văn Đ có yêu cầu Tòa án giải quyết về chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

Về án phí: Chị Vũ Thị T phải nộp tiền án phí dân sự ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị Vũ Thị T đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003677 ngày 22/7/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Kiến An, thành phố Hải Phòng. Chị Vũ Thị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo đối với bản án: Chị Vũ Thị T, anh Phạm Văn Đ có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Chính **Vũ Văn Lẫy** **Nguyễn Thị Lan Hương**

Nơi nhận:
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND TP Hải Phòng;
- VKSND quận Kiến An;
- Chi cục THADS quận Kiến An;
- UBND xã Xuân Quang, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Lan Hương